TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 18/2018/KDTM-PT Ngày: 25/10/2018 *V/v "Tranh chấp HĐ tín dụng"*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn

Các thẩm phán: Ông Lê Hồng Sơn; ông Phạm Văn Phấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện VKSND tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 07//2018/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 201, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP ĐT (BIDV)
Địa chỉ: Tháp B, số 35, H, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc H; chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng TMCP ĐT, chi nhánh thành phố V. Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1947. Có mặt.
Địa chỉ: Tổ 10, xóm Y, xã H, thành phố V
Người đại diện theo ủy quyền cho bà T:
+ Ông Trần Văn H; sinh năm 1953. Có mặt.
Địa chỉ: Số 93, phố L, đường L, tổ 31, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:** Luật sư Trần Văn L – Văn phòng luật sư Trần Lan, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Số 27, hẻm 2, ngõ 112, Nguyễn Trãi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Trần Thị T.

NHẬN THẤY

Do có nhu cầu phát triển vốn kinh doanh mặt hàng điện thoại di động, nên bà Trần Thị T làm giấy đề nghị vay vốn của Ngân hàng TMCP ĐT. Sau khi tiến hành xác minh và thẩm định các điều kiện cho vay theo quy định, ngày 19/9/2011 Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông C (nay là Ngân hàng TMCP ĐT), ký Hợp đồng tín dụng số N.A.006311/HĐTD thỏa thuận cho bà Trần Thị T vay số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng); thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay trong hạn là 20%/năm, lãi suất quá hạn là 150%/năm của lãi suất cho vay.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất diện tích 242,50m^2 thuộc thửa đất số 235, tờ bản đồ số 17 tại xóm Y (nay là xóm Y), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị T, đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 837732 ngày 27/01/2005.

Quá trình thực hiện hợp đồng do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/5/2016 Ngân hàng TMCP ĐT khởi kiện, yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Vinh buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐT các khoản nợ, gồm: Tiền gốc 700.000.000đ; lãi trong hạn 499.504.635đ; tiền lãi quá hạn 196.330.085đ. Tổng cộng là 1.395.834.720đ (một tỷ, ba trăm chín năm triệu, tám trăm ba mươi tư ngàn, bảy trăm hai mươi đồng).

Bị đơn bà Trần Thị T và người được ủy quyền ông Trần Văn H trình bày: Bà Trần Thị T đã già lại thường xuyên ốm đau, bản thân bà T không kinh doanh mặt hàng gì mà chủ yếu sống vào tiền lương hưu do Nhà nước cấp. Năm 2011 anh Phan Trọng H là cháu rể của bà T đã cùng với cán bộ Ngân hàng lừa bà mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục vay tiền của Ngân hàng TMCP ĐT. Do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên bà T đã ký xác nhận vào hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản và giấy nhận nợ chứ thực tế bà T không có nhu cầu vay tiền và cũng không nhận tiền, toàn bộ số tiền vay 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) do anh Phan Trọng H nhận và sử dụng. Vì vậy, việc Ngân hàng TMCP ĐT khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền anh H vay là không đúng.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP ĐT giữ nguyên nội dung đã khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐT các khoản nợ tính đến ngày 29/9/2017 gồm: Tiền gốc 700.000.000đ; lãi trong hạn 616.715.747đ; tiền lãi quá hạn 254.935.614đ. Tổng cộng là 1.571.651.388đ (một tỷ, năm trăm bảy mốt triệu, sáu trăm năm mươi mốt ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi bà T thanh toán xong các khoản tiền nợ trên cho ngân hàng. Trường hợp bà T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ khoản nợ trên yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp của bà T cho ngân hàng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bản án sơ thẩm số 25/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, các điều 35, 39, 147, 220, khoản 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 318, 319, 323, 324, 343, 355, 471, 473, 476, 715, 716 BLDS năm 2005; Các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về "giao dịch bảo đảm" và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐT số tiền: 1.571.651.388đ (một tỷ, năm trăm bảy mốt triệu, sáu trăm năm mốt ngàn, ba trăm tám tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 700.000.000đ; lãi trong hạn 616.715.747đ; tiền lãi quá hạn 254.935.614đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2017), bà Trần Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

Sau khi bà Trần Thị T thanh toán hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP ĐT thì Ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp cho bà T theo quy định.

Trường hợp bà Trần Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP ĐT thì xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản tiền vay gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 242,50m^2 thuộc thửa đất số 235, tờ bản đồ số 17 tại xóm Y (nay là xóm Y) và các tài sản gắn liền với đất, xã Hưng Đông, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị T, đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 837732 ngày 27/01/2005 để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 59.149.000đ (năm mươi chín triệu, một trăm bốn mươi chín ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐT 26.900.000đ (hai mươi sáu triệu, chín trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai thu số 0003498 ngày 29/9/2016.

Bản án còn quyết định về vấn đề thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 09 tháng 10 năm 2018, bà Trần Thị T làm đơn kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà không vay tiền mà anh Nguyễn Trọng Hưng là người vay tiền Ngân hàng, nên bà không nhất trí trả tiền, không chấp nhận thế chấp tài sản để bảo đảm khoản vay, bà là người cao tuổi nhưng án sơ thẩm buộc bà chịu án phí là không đúng. Đề nghị sửa án sơ thẩm, bà còn có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí và tiền tạm ứng án phí ghi ngày 02/4/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và ông Nguyễn Văn Lan luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Ngân hàng không chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn, bị đơn, và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm. Cụ thể: Bà Trần Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐT số tiền gốc 700.000.000đ; Hợp đồng tín dụng là vô hiệu nên tiền lãi bà T chịu ¾; Ngân hàng chịu ¼.

Nếu bà T không trả nợ thì xử lý tài sản quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bà T để bảo đảo trả nợ.

Miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Trần Thị T vì là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và ý kiến của kiểm sát viên có mặt tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T làm trong hạn luật định, nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định, nên hợp pháp, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tư cách đương sự: Năm 2011 khi các bên làm thủ tục vay tiền, là vay tiền của Ngân hàng TMCP phát triển nhà Đ. Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã có quyết định số 589/QĐ-NHNN ngày 25/4/2015, sáp nhập Ngân hàng TMCP phát triển nhà Đ vào Ngân hàng TMCP ĐT. Do đó, nay Ngân hàng TMCP ĐT có tư cách là nguyên đơn trong vụ án là đúng pháp luật.

[3] Về loại vụ việc: Đây là vụ án dân sự hay vụ án kinh doanh thương mại:

Trong hồ sơ vay vốn, Ngân hàng TMCP ĐT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) nộp cho Tòa án có 1 "Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình cá thể", mang tên bà Trần Thị T, đăng ký lần đầu ngày 25/7/2005 (BL96) nhưng đây là bản pô tô, không có chứng thực, công chứng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Nếu có dấu hiệu làm giả giấy tờ thì đương sự, công dân có quyền khiếu nại tố cáo để xử lý theo pháp luật. Bà T khai bà không có đăng ký kinh doanh đó. Tòa án cấp phúc thẩm đã xác minh, được phòng kinh tế - UBND thành phố Vinh xác nhận: Bà T không có giấy đăng ký kinh doanh đã nêu trên đây (công văn số 154/KT ngày 12 tháng 10 năm 2018)

Tuy nhiên, bà T trình bày và thừa nhận: Bà làm thủ tục để giúp vợ chồng anh Phan Trọng H (vợ là Châu Thị V, bà T là dì ruột của chị V) vay tiền Ngân hàng để

làm vốn kinh doanh. Bà T có biết anh H làm nghề kinh doanh cầm đồ. Như vậy, bà T không trực tiếp sử dụng tiền nhưng vì mục đích lợi nhuận, mặt khác Ngân hàng cho biết: Đăng ký kinh doanh hộ gia đình không phải là điều kiện tiên quyết và duy nhất để ngân hàng cho vay vốn. Đây là trường hợp cho vay có tài sản thế chấp, nên điều kiện bắt buộc là người vay phải thế chấp tài sản.

Tuy chỉ có một bên là ngân hàng có đăng ký kinh doanh, nhưng cả 2 bên đều vì mục đích lợi nhuận, theo luật qui định thì vì mục đích lợi nhuận, không phải là có được lợi nhuận, căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự qui định và Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là vụ án kinh doanh thương mại là đúng qui định.

[4] Về nội dung kháng cáo của bà Trần Thị T:

- Về trách nhiệm trả nợ tiền đã vay Ngân hàng: Bà T cho rằng, bà không vay tiền, mà chỉ cho anh Hưng "mượn bìa đỏ" để vay tiền. Nhưng bà T, ông H thừa nhận tại cấp sơ thẩm là: Bà T ký vào thủ tục vay vốn, bao gồm: Giấy đề nghị vay vốn, Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản (BL 31, 112). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, ông Lan cũng thừa nhận chữ ký trong hồ sơ vay vốn là chữ ký của bà T. Ngày 21/9/2011, bà T ký xác nhận vào giấy nhận nợ với số tiền vay 700.000.000đ. Bà T đã nhận tiền bằng hình thức, Ngân hàng chuyển vào tài khoản của bà T, bà T chuyển tiền sang tài khoản cho anh Phan Trọng H, Bản tự khai ngày 20/7/2016 bà T thừa nhận: Bà đã ký vào thủ tục vay vốn (BL 31), bà T cho rằng bà không biết gì về vay tiền, nhưng tại đơn kháng cáo ngày 4/10/2017, bà T cũng trình bày: Anh H và vợ là chị Châu Thị V đến nhà bà để nhờ bà làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Bà cũng không chứng minh được, bà bị lừa dối hay ép buộc ký vào các giấy tờ thủ tục vay tiền, giấy nhận nợ, ủy nhiệm chi, nên có căn xác định: Bà T đã vay tiền, nhận tiền của Ngân hàng. Bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay 700.000.000đ và số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, như án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, đúng pháp luật.

Việc bà cho anh H vay lại tiền, thì các bên có quyền tự giải quyết, hoặc bà T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự độc lập khác, để yêu cầu anh H trả tiền cho bà. Hội đồng xét xử thấy cần bổ sung nội dung này trong quyết định của bản án.

Bà T phải trả cho cho Ngân hàng TMCP ĐT, số tiền gốc 700.000.000đ; lãi trong hạn 616.715.747đ; tiền lãi quá hạn 254.935.614đ. Tổng cộng là 1.571.651.388đ (một tỷ, năm trăm bảy mốt triệu, sáu trăm năm mươi mốt ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng). Ngân hàng đã tính toán đúng hợp đồng, có các tài liệu chứng minh kèm theo, có căn cứ chấp nhận buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng.

- Bà T kháng cáo đề nghị vô hiệu hợp đồng thế chấp tài sản (thế chấp quyền sử dụng đấ và tài sản gắn liền với đất) số NA00063.11/HĐTC ngày 19/9/2011, với lý do: Thửa đất thế chấp là của hộ gia đình, ngoài bà T, còn có quyền của 3 con của bà. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, trong gia đình bà có bà và 3 con của bà. Nhưng khi ký kết hợp đồng thế chấp, Ngân hàng không hỏi ý kiến và 3 người con của bà không biết là vi phạm quyền lợi gia đình bà các các con

của bà. Đồng thời trong hợp đồng thế chấp, có chữ ký của bà, nhưng điểm chỉ thì không phải của bà, mà là của người khác.

- Bà T có đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giám định dấu vân tay trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà và Ngân hàng có phải của bà hay không.

Xét thấy: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, trong bản tự khai của bà T (BL 31) và lời khai của người đại diện theo ủy quyền cho bà T là ông Trần Văn H tại phiên tòa sơ thẩm (BL112), bà T, ông Hệ thừa nhận bà T ký vào thủ tục vay vốn và chữ ký trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là của bà T. Do đó, xét không cần thiết phải giám định dấu vân tay mà bà T yêu cầu nên Tòa án không chấp nhận.

Theo bà T trình bày và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, nguồn gốc thửa đất của bà T thế chấp vay tiền Ngân hàng, như sau:

- Từ những năm 1980, đây là đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà T (chồng là ông Phạm Văn L)

- Năm 2001 vợ chồng bà T ly hôn, Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 97 ngày 28/9/2001 của Toà án nhân dân thành phố Vinh quyết định:

Tài sản: Bà T được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung: 01 nhà mái bằng, 01 nhà ngang lợp ngói, một số tài sản sinh hoạt.

Đất: Bà T sử dụng thửa đất 240m^2 tại xóm Yên Hòa, xã Hưng Đông, thành phố Vinh (Quyết định ghi đất chưa có bìa đỏ).

Như vậy, khi ly hôn, thửa đất cũng thuộc quyền cá nhân bà T (không phải là tài sản chung cùng các con).

Bìa đỏ số AB 837732 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 27/01/2005 cũng ghi: Tên người sử dụng đất: Bà Trần Thị T. Như vậy, từ trước đến nay, thửa đất này là thuộc quyền sử dụng của cá nhân bà T, không phải là của hộ gia đình.

Việc Ngân hàng, bà T ký Hợp đồng thế chấp là đúng chủ tài sản, ông Lan luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà T cho rằng: Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tờ trình, hồ sơ thẩm định của bà T có ghi: Hộ gia đình bà T. Tuy nhiên, đây là biểu mẫu chung, các giấy tờ đó đều ghi "chủ hộ gia đình, cá nhân", không phải chỉ ghi "Hộ gia đình" mà có cả cá nhân.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số NA0063.11/HĐTD ngày 19/9/2011 các bên đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nội dung theo qui định của pháp luật, đúng chủ tài sản, Hợp đồng đã được công chứng và có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vinh (BL từ 12 đến 15)

Do đó, bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản đã thế chấp của bà T để đảm bảo cho việc trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo này của bị đơn.

Về án phí: Bà T là người cao tuổi (sinh năm 1947), cấp sơ thẩm buộc bà T chịu án phí sơ thẩm, nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng. Bà kháng cáo và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 309, 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà T, sửa án sơ thẩm, bổ sung cách tuyên;

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 30, các điều 35, 39, 147, 220, khoản 2 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 318, 319, 323, 324, 343, 355, 471, 473, 476, 715, 716 BLDS năm 2005; Các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/CP ngày 22/02/2012 của Chính Phủ về "giao dịch bảo đảm" và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Buộc bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐT số tiền: 1.571.651.388đ (một tỷ, năm trăm bảy mốt triệu, sáu trăm năm mươi mốt ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc 700.000.000đ; lãi trong hạn 616.715.747đ; tiền lãi quá hạn 254.935.614đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2017), bà Trần Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc.

Sau khi bà Trần Thị T thanh toán hết số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP ĐT thì Ngân hàng phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử đụng đất và làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp cho bà T theo quy định.

Trường hợp bà Trần Thị T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ trên cho Ngân hàng TMCP ĐT thì xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản tiền vay gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 242,50m^2 và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 235, tờ bản đồ số 17 tại xóm Y (nay là xóm Y), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là tài sản hợp pháp của bà Trần Thị T, đã được UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 837732 ngày 27/01/2005 để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T có quyền khởi kiện đối với anh Phan Trọng H về số tiền bà vay Ngân hàng và bà đã chuyển tiền cho anh H, để giải quyết bằng vụ án độc lập khác theo qui định.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Trần Thị T.

Trả lại cho bà Trần Thị T 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, gồm 200.00đ theo biên lai nộp tiền số 0000364 ngày 12 tháng 12 năm 2017 và 1.800.000đ (một triệu, tám trăm ngàn đồng) theo Biên lai nộp tiền số 0002003 ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP ĐT 26.900.000đ (hai mươi sáu triệu, chín trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh theo biên lai thu số 0003498 ngày 29/9/2016.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND, TAND, Chi cục THADS TP.Vinh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Phồn